

ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY VÀO DẠY HỌC VĂN MIÊU TẢ TRONG LỚP HÒA NHẬP CÓ HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC TẬP CẤP TIỂU HỌC: MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP

Võ Kim Long

Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Email: vklongpy@gmail.com

Article history

Received: 25/11/2023

Accepted: 25/12/2023

Published: 05/3/2024

Keywords

Inclusive teaching, children with disabilities, teacher, primary schools, mind map

ABSTRACT

Mind maps are a useful tool in the teaching process, helping students organize information and understand the relationships between concepts and ideas through the use of images, colors, symbols, words and links following a simple and easy-to-understand rule. Based on exploiting students' strengths in visual thinking and language, mind maps can be used in teaching in general and teaching students with learning disabilities in particular. This article presents the theoretical basis and current situation of using mind maps in inclusive teaching with students with learning disabilities to improve writing skills for grade 4 students. The research results show that there was a significant improvement in writing performance of the students. In particular, the writing of the students with intellectual disabilities was properly structured and supported with meaningful and varied details, coherent with much rarer errors in spelling, word choice, and sentence structure. The mind map technique is considered an active teaching one to improve efficiency and quality of inclusive teaching activities for students with learning disabilities.

1. Mở đầu

Trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững lĩnh vực GD-ĐT đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của Bộ GD-ĐT đã chỉ rõ: “Đến năm 2030 xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục và đảm bảo quyền bình đẳng với tất cả trình độ GD-ĐT nghề cho những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người bị khuyết tật, người dân tộc và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương” (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Để hiện thực hóa nội dung trên, các trường hòa nhập cần có những bước đi mới mẽ, chủ động đổi mới tư duy, sáng tạo, chủ động điều chỉnh để đảm bảo tất cả mọi đối tượng HS đều có quyền và cơ hội học tập. Muốn vậy, điều trước tiên và cốt lõi phải làm là GV phải nâng cao năng lực dạy học hòa nhập (DHHN) bằng việc thay đổi, điều chỉnh, áp dụng phương pháp dạy học phù hợp, phát huy năng lực cho HS toàn lớp và HS khuyết tật học tập (KTHT).

“KTHT” là thuật ngữ chung để chỉ một nhóm phức hợp những rối loạn biểu hiện ở những khó khăn đáng chú ý trong việc lĩnh hội và vận dụng những năng lực nghe, nói, đọc, viết, suy luận và tính toán. Một số kết quả nghiên cứu cho thấy, HS KTHT hạn chế trong khả năng ghi nhớ, sắp xếp các ý tưởng như việc xây dựng bộ cục bài văn, lập dàn ý, từ vựng, ý tưởng nghèo nàn (Graham, 2008). Tuy nhiên, HS KTHT có nhiều điểm mạnh trong năng lực nhận thức như suy luận hình ảnh, hiểu nghĩa và diễn đạt bằng lời tốt (Nguyễn Thị Cẩm Hương, 2014).

Tạo lập văn bản (hay “kỹ năng viết bài văn”) là một trong những kỹ năng viết quan trọng trong trường tiểu học, được rèn luyện chủ yếu thông qua phân môn Tập làm văn. Một số nghiên cứu cho thấy, trong quá trình dạy kỹ năng viết bài văn, nếu sử dụng hình ảnh trực quan, sơ đồ ở mức độ đơn giản, bổ sung cho cách dạy học truyền thống có thể tăng cường khả năng ghi nhớ, đồng thời kích thích trí tò mò của HS, tạo ra tính tự lập trong viết văn bản và cải thiện chất lượng bài văn (Đỗ Thị Phương Thảo, 2012; Trần Thị Hương Giang, 2012).

Từ một số vấn đề lí luận về DHHN cho HS KTHT và ứng dụng sơ đồ tư duy (SĐTD) trong dạy học, bài báo đề xuất các kỹ năng tạo lập SĐTD và các bước sử dụng SĐTD trong dạy học viết bài văn trong lớp hòa nhập có HS KTHT ở lớp 4. Kết quả thử nghiệm (TN) cho thấy phương pháp này đem lại hiệu quả với HS toàn lớp, đặc biệt là đối với trường hợp HS KTHT.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận

2.1.1. Học sinh khuyết tật học tập

“KTHT” (Learning Disabilities) là thuật ngữ chung để chỉ một nhóm phức hợp những rối loạn biểu hiện ở những khó khăn đáng chú ý trong việc lĩnh hội và vận dụng những năng lực nghe, nói, đọc, viết, suy luận và tính toán. Thuật

ngữ “KTHT” để chỉ nhóm các trẻ bị rối loạn trong phát triển ngôn ngữ, nói, đọc và các kỹ năng giao tiếp cần thiết trong tương tác xã hội (Kirk, 2014). Rối loạn này là khuyết tật nội tại của cá nhân, có nguyên nhân được cho là do khuyết tật chức năng hệ thần kinh trung ương, có thể xuất hiện theo các hoạt động sống. Những vấn đề về hành vi, nhận thức xã hội, tương tác xã hội có thể tồn tại đồng thời cùng KTHT nhưng tự thân những vấn đề này không phải là bản chất của KTHT (Nguyễn Thị Cẩm Hương, 2014).

Theo Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-V (Phạm Toàn, 2021), KTHT có 4 đặc trưng sau: - *Khó khăn trong việc học và vận dụng các kỹ năng học đường* (ít nhất 1 trong số những biểu hiện: đọc từ thiếu chính xác hoặc chậm và ngắt quãng; kém hiểu nghĩa bài đọc; đánh vần khó khăn; diễn đạt bằng chữ viết khó khăn; khó thành thực cảm giác số, phép tính hoặc tính toán; khó khăn trong suy luận toán học) trong thời gian ít nhất 6 tháng bất kể đã được cung cấp các dịch vụ can thiệp nhằm giải quyết các khó khăn đó; - *Kỹ năng học đường bị tác động thấp hơn cả về chất và lượng* so với mức độ phát triển độ tuổi cá nhân và dẫn tới những ảnh hưởng rõ rệt thể hiện trong học tập hoặc hoạt động nghề nghiệp, hoạt động hằng ngày đã được dự báo bởi các đánh giá tiêu chuẩn về học lực cơ bản của cá nhân và đánh giá lâm sàng tổng quát; - *Khó khăn trong học tập bắt đầu thể hiện trong suốt tuổi đến trường nhưng cũng có thể chưa thể hiện đầy đủ cho tới khi những yêu cầu về kỹ năng đó vượt quá khả năng của cá nhân*; - *Những khó khăn về học không phải do khuyết tật trí tuệ*, độ nhạy bén không hoàn chỉnh của thị giác, thính giác, rối loạn tâm thần hoặc thần kinh khác, rối loạn tâm lý xã hội, thiếu hụt năng lực trong ngôn ngữ hướng dẫn học đường hoặc phương pháp giáo dục bất phù hợp.

Theo DSM-V (Phạm Toàn, 2021), có 3 dạng KTHT, đó là: - *Khó đọc*, ảnh hưởng trước hết đến khả năng đọc, viết và nhiều lĩnh vực hoạt động khác của HS; - *Khó viết*: HS nói được nhưng không viết được; chữ viết xấu, rất khó đọc; viết được nhưng kém hơn hẳn so với các bạn cùng lớp về tốc độ, cách trình bày; mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi sử dụng các dấu chấm câu, các quy tắc ngữ pháp; - *Khó tính toán*: HS gặp khó khăn về các vấn đề: ước lượng không gian, thời gian, đo lường và thực hiện các phép tính số học, khó khăn trong việc lĩnh hội khái niệm trừu tượng về so sánh.

Hầu hết các HS KTHT có biểu hiện hoàn toàn bình thường về mặt trí tuệ (chỉ số thông minh) và có thể học tập được nhưng thực tế kết quả học tập thua kém rất nhiều so với các bạn cùng lớp. Vì vậy, HS khuyết tật cần được hỗ trợ để nâng cao năng lực học tập và công nhận quyền quyết định những năng lực này của họ (Sakiz, 2015).

2.1.2. *Dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật học tập*

DHHN là phương thức dạy học, trong đó HS khuyết tật được học cùng với HS không khuyết tật trong trường, lớp phổ thông (Phạm Minh Mục, 2012). Trong lớp học hòa nhập có HS KTHT, GV thực hiện nhiệm vụ kép: (1) Tổ chức các hoạt động học tập cho đa số HS để các em đều có cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, chiếm lĩnh tri thức; (2) Tổ chức hoạt động cho cá nhân HS KTHT cùng tích cực tham gia vào các hoạt động học tập phù hợp với năng lực của trẻ. Để làm được việc này, GV cần thiết kế các hoạt động học tập dựa vào bản Kế hoạch cá nhân của từng HS KTHT, xác định những vấn đề ưu tiên và phù hợp với môn học, bài học, đồng thời linh hoạt vận dụng các hoạt động dạy học phù hợp với HS KTHT tại thời điểm của bài học. Dạy học HS KTHT trong lớp hòa nhập là làm cho mỗi trẻ đều phải tự tìm hiểu, phát hiện những kiến thức mới theo năng lực và nhu cầu của bản thân. Mỗi HS KTHT đều có những nhu cầu và năng lực riêng cần được phát huy, phát triển.

DHHN dựa trên quan điểm phát triển, tức là nhà trường tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể để HS phát triển hết khả năng của mình. Đối tượng HS KTHT được xem xét như một HS bình thường, là những cá thể đang phát triển về thể chất, nhân cách và tiềm tàng nhiều khả năng. Do vậy, mục tiêu giáo dục cần hướng tới đích là “càng gần bình thường càng tốt”. Điều quan trọng là nhà trường cần có chiến lược khơi dậy và phát triển đầy đủ những tiềm năng đó (Phạm Minh Mục, 2012). DHHN dựa trên quan điểm bình thường hóa, tức là HS KTHT được học cùng chương trình, cùng nội dung, cùng phương pháp với các bạn cùng lớp (Nguyễn Thị Kim Hoa và Lê Thị Tâm, 2013).

2.1.3. *Phương pháp sơ đồ tư duy trong dạy học*

SĐTD (Mindmap) là một phương pháp được đưa ra như một phương tiện giúp tăng khả năng ghi nhận hình ảnh của não bộ (Buzan, 2008). Phương pháp này khai thác khả năng ghi nhớ và liên hệ các dữ kiện lại với nhau bằng cách sử dụng màu sắc, một cấu trúc cơ bản được phát triển rộng ra từ trung tâm, dùng các đường kẻ, các biểu tượng, từ ngữ và hình ảnh theo một bộ các quy tắc đơn giản, tự nhiên và dễ hiểu. Với SĐTD, một danh sách dài những thông tin đơn điệu có thể biến thành một bản đồ được tổ chức chặt chẽ, đầy màu sắc, sinh động, dễ nhớ. SĐTD kết hợp nhịp nhàng với cơ chế hoạt động tự nhiên của bộ não, vì vậy, việc nhớ và gọi lại thông tin sau này sẽ dễ dàng hơn so với khi sử dụng kỹ thuật ghi chép truyền thống. Ưu điểm của SĐTD là dễ nhìn, dễ viết, kích thích hứng thú học tập và khả năng sáng tạo của HS, phát huy tối đa tiềm năng ghi nhớ của bộ não. Với SĐTD, HS được tự mình sáng tạo, huy động trí nhớ để tự tổng hợp kiến thức dưới sự định hướng và dẫn dắt của GV (Trần Thị Hương Giang,

2012). Việc sử dụng SĐTD giúp HS có thể trình bày nội dung của bài học một cách khoa học, chặt chẽ, giúp GV tập trung vào vấn đề cần trao đổi cho HS, cung cấp một cái nhìn tổng quan về chủ đề, loại bỏ các thông tin ít cần thiết. SĐTD là một phương pháp dạy học tích cực, làm đa dạng cách học tập của người học, trong đó có HS KTHT.

2.2. Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học phân môn Tập làm văn trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật học tập

Để vận dụng SĐTD trong DHHN phân môn Tập làm văn đối với lớp 4, chúng tôi đề xuất các kỹ năng về SĐTD bao gồm tiến trình hai giai đoạn như bảng 1:

Bảng 1. Các kỹ năng tạo lập SĐTD

TT	Các kỹ năng	Nội dung trọng tâm
Giai đoạn 1		
1	Kỹ năng xác định hình trung tâm	Hình trung tâm thể hiện chủ đề, yêu cầu của bài.
2	Kỹ năng vẽ và tô màu	Sử dụng bút, giấy, bút màu các loại, sử dụng hộp lí xen kẽ gam màu nóng, lạnh.
3	Kỹ năng xác định các bộ phận sơ đồ	Xác định vị trí trung tâm, nhánh chính, nhánh phụ, nét, từ khóa, hình họa.
4	Kỹ năng hoàn thiện sơ đồ	Kiểm tra lại các chi tiết, nhánh bám vào trung tâm, nhánh chính dày hơn nhánh phụ và liên kết nhau, từ khóa viết hoa trên nhánh, hiệu chỉnh nét thừa.
5	Kỹ năng đọc diễn ý	Diễn đạt lại toàn bộ sơ đồ theo thứ tự từ trong ra ngoài theo chiều kim đồng hồ.
Giai đoạn 2		
6	Áp dụng SĐTD để viết lại toàn bài văn	GV chia nhỏ các bước sử dụng sơ đồ và hướng dẫn HS thực hiện các bước tương ứng các bước viết bài văn.
7	Diễn giải bằng lời	Động viên HS đọc lại hoặc diễn đạt lại bằng lời nói để phát triển ngôn ngữ cho HS.

Tiếp cận nghiên cứu của Mai Tô Ny và Nguyễn Thị Cẩm Hương (2019), chúng tôi đề xuất các bước sử dụng SĐTD trong tiết học như sau:

Bảng 2. Các bước sử dụng SĐTD trong tiết học phân môn Tập làm văn trong lớp hòa nhập có HS KTHT

Các bước viết bài văn	Các bước sử dụng sơ đồ	Các hoạt động cụ thể của GV và HS	
		Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Xác định yêu cầu đề bài	Tạo lập hình ảnh trung tâm sơ đồ, từ khóa.	- Hướng dẫn HS đọc yêu cầu đề bài, xác định các từ khóa. - Cho HS xem hình ảnh minh họa, video trình chiếu về con mèo. - Hướng dẫn HS lựa chọn bố cục của bài văn (miêu tả theo trình tự thời gian hay không gian? Trình bày bài văn theo mấy phần? Đó là những phần nào?)	HS thực hiện yêu cầu, tìm từ khóa, xác định lập sơ đồ.
Tim kiếm ý chính cho bài viết (xác định các đoạn văn)	Phát triển nhánh chính: - Xác định từ khóa của nhánh chính. - Xác định số lượng nhánh chính.	GV gợi ý nội dung ý chính bằng cách đặt câu hỏi liên quan đến từ khóa: hoạt động như thế nào? Có đặc điểm gì?...	HS thực hiện thao tác vẽ phân nhánh chính và từ khóa.
Tim kiếm ý triển khai cho ý chính (triển khai đoạn văn)	Phát triển nhánh phụ: - Xác định từ khóa của nhánh phụ. - Xác định số lượng nhánh phụ.	- GV đặt câu hỏi gợi ý. - GV hướng dẫn HS trình bày chi tiết về đặc điểm, hình dáng, hoạt động... của con mèo. - GV hướng dẫn HS quan sát, nhận xét	HS trả lời, điền thông tin các nhánh phụ
Sắp xếp các ý của bài văn và rà soát liên kết các ý, câu, đoạn trong bài văn	- Bổ sung, chỉnh sửa hình ảnh minh họa nếu cần. - Sắp xếp thứ tự các nhánh. - Thêm các icon, tô màu hợp lí. - Kiểm tra lại các chi tiết, từ khóa từ trung tâm đến nhánh nhỏ. - Rà soát lại các mối liên kết giữa các nhánh.	- GV hướng dẫn HS hoàn thiện sơ đồ. - GV đặt câu hỏi về nội dung và gợi ý sử dụng các từ nối để liên kết các ý: và, vì, tiếp theo là, cho nên, bên cạnh đó, cuối cùng... - GV hướng dẫn HS bổ sung các ý còn thiếu.	- HS trình bày nội dung của câu văn hay đoạn văn bằng lời. - HS chỉnh sửa nội dung diễn đạt. - HS bổ sung thêm từ ngữ, hình ảnh phù hợp.
Diễn đạt bài văn bằng lời	Diễn dịch sơ đồ.	GV hướng dẫn HS diễn đạt bằng lời toàn bộ sơ đồ.	HS thực hiện.
Viết bài văn	Sử dụng dựa theo sơ đồ đã trình bày.	GV theo dõi, nhắc nhở.	HS thực hiện.

2.3. Thử nghiệm phương pháp sơ đồ tư duy để dạy học kỹ năng viết bài văn trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật học tập ở lớp 4

2.3.1. Khái quát chung về thử nghiệm

- Mục đích, nội dung TN: vận dụng phương pháp SĐTD để dạy học kỹ năng viết văn miêu tả trong lớp hòa nhập có HS KTHT; kiểm tra kết quả bài văn của HS toàn lớp và đặc biệt là HS KTHT trước và sau TN để đánh giá hiệu quả TN.

- Mẫu TN: tập trung vào 01 trường hợp là HS KTHT (HS H.) và 34 HS cùng lớp 4C, Trường Tiểu học Lạc Long Quân, TP. Tuy Hòa, Phú Yên.

- *Tổ chức TN*: Hỗ trợ trong các tiết học để hình thành cho HS kỹ năng tạo sơ đồ và tổ chức dạy học các bài văn miêu tả con vật và miêu tả cây cối theo chương trình, kế hoạch dạy học khối 4 có ứng dụng phương pháp SĐTD.

- *Tiến trình và thời gian TN*: + Khảo sát đặc điểm HS: từ tháng 10/2022 đến hết tháng 11/2023; + Hỗ trợ GV xây dựng kế hoạch dạy học tiết Tập làm văn (miêu tả con vật, miêu tả cây cối) cho lớp 4C có sử dụng phương pháp SĐTD thông qua kế hoạch hỗ trợ hòa nhập: tháng 10/2022 đến hết tháng 11/2023; + Tiến hành TN hướng dẫn HS cách vẽ SĐTD và sử dụng trong bài văn miêu tả (con vật và cây cối).

- *Tiêu chí đánh giá*: đánh giá sự tiến bộ của HS toàn lớp và HS KTHT trong việc khắc phục một số lỗi cơ bản ở bài Tập làm văn miêu tả trước và sau TN, gồm: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp, lỗi dấu câu. Đối với HS KTHT, ngoài những lỗi trên, chúng tôi đánh giá tổng số từ toàn bài và sự tiến bộ trong cách hành văn của HS.

- *Đặc điểm của trường hợp nghiên cứu HS KTHT*: H. là HS nam lớp 4C, sinh ngày 12/6/ 2013. H. Ngoan, hiền, hơi nhút nhát. Năm 2019, H. đã được thăm khám tại Bệnh viện Nhi Đồng II, kết quả đánh giá Denver II cho thấy chỉ số IQ bình thường, các lĩnh vực phát triển đúng độ tuổi, không có dấu hiệu chậm phát triển trí tuệ. GV nhận xét H. học đều và khá ở các môn như Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Mĩ thuật. Tuy nhiên, H. gặp khó khăn trong quá trình xử lí thông tin, tiếp thu kiến thức mới. Nhìn chung, H. thường không có khả năng học các môn học sử dụng nhiều kỹ năng học tập; rất kém trong việc trả lời vấn đáp, ghi chép, nghe hiểu, đọc lướt, phát hiện và chữa lỗi sai dẫn đến kết quả học tập thường rất thấp ở các môn Tập đọc, Tập làm văn. H. viết được nhưng kém hơn hẳn so với các bạn cùng lớp về: tốc độ, cách trình bày; nhiều lỗi chính tả, lỗi sử dụng các dấu chấm câu, sử dụng không đúng các quy tắc ngữ pháp. Trong phân môn Tập làm văn, H. có biểu hiện như sau: + Kỹ năng viết bài văn: Không biết cách lập dàn ý, thiếu vốn từ triển khai đoạn văn, bết tắc trong việc diễn ý; tốc độ viết chậm, lỗi chính tả, sai dấu câu, âm, vần; cấu trúc câu sai, không rõ nghĩa; nội dung sơ sài, không hợp lí; + Kỹ năng vẽ sơ đồ: H. thích thú và có khả năng vẽ sơ đồ, sử dụng sơ đồ, diễn đạt các ý theo nhánh sơ đồ. H. có khả năng trình bày theo SĐTD, liên kết các thông tin để tạo thành câu hoàn chỉnh, xác định được các từ khóa để diễn đạt và phát triển ý cho câu. Từ những kết luận về mặt y khoa, nhận xét, đánh giá môn học từ GV và những đặc điểm về khả năng, khó khăn của H. trong việc học tập, có thể xác định H. là HS KTHT. Vì vậy, GV cần tìm ra phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng khả năng học tập của HS KTHT. Đồng thời, để đảm bảo cơ hội học tập của tất cả HS, các phương pháp dạy học phù hợp HS KTHT cũng cần phải có tác động tích cực tới các HS khác trong toàn lớp.

2.3.2. Kết quả thử nghiệm sử dụng phương pháp sơ đồ tư duy trong lớp hòa nhập

Sau khi tiến hành TN ứng dụng phương pháp SĐTD trong dạy học Tập làm văn ở lớp hòa nhập có HS KTHT, chúng tôi thu được kết quả như sau (bảng 3, 4, 5):

Bảng 3. Số HS mắc lỗi trước và sau TN sử dụng SĐTD (N=35)

Loại lỗi	Lỗi chính tả		Lỗi dùng từ		Lỗi ngữ pháp	
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Trước TN	18	51,4	16	45,7	21	60
Sau TN	5	14,3	4	11,4	7	20

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, sau TN, HS có sự tiến bộ vượt trội, các loại lỗi trong bài Tập làm văn đều giảm đáng kể, cho thấy hiệu quả ứng dụng phương pháp SĐTD trong dạy học tập làm văn cho HS lớp 4 là rất tích cực.

Bảng 4. Kết quả đánh giá chất lượng bài văn của HS có sử dụng SĐTD

(N=35)	Yếu (điểm ≤4)		Trung bình (điểm 5, 6)		Khá (điểm 7, 8)		Giỏi (điểm 9, 10)		ĐTB
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	
Trước TN	8	22,8	16	45,7	9	25,7	2	5,8	2,1
Sau TN	0	0	9	25,7	24	68,5	2	5,8	2,8

Kết quả thống kê tại bảng 4 cho thấy có sự cải thiện đáng kể về kết quả bài Tập làm văn ở HS ở các mức điểm Yếu, Trung bình và Khá trước TN. Cụ thể, trước TN, có 8 HS (22,8%) chỉ đạt mức điểm Yếu thì sau TN, không còn HS nào đạt điểm yếu nữa. Thay vào đó, tỉ lệ HS ở mức điểm Trung bình cũng giảm từ 16 HS (45,7%) về còn 9 HS (25,7%); đặc biệt, số HS đạt điểm mức Khá tăng lên rõ rệt, từ 9 HS (25,7%) trước TN tăng lên 24 (68,5%) sau TN. Số HS giỏi không thay đổi sau TN. Đối với HS H., sau quá trình được hỗ trợ học tập trong tiết Tập làm văn theo kế hoạch bằng phương pháp SĐTD thông qua kế hoạch hỗ trợ hòa nhập, kết quả thu được như sau (bảng 5).

Bảng 5. Kết quả bài văn của HS H.

Loại lỗi	Lỗi chính tả		Lỗi dùng từ		Lỗi ngữ pháp		Lỗi dấu câu		Tổng số từ toàn bài	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
Thời điểm										
Số lượng	11	3	8	4	10	4	9	3	36	157

Kết quả thống kê tại bảng 5 cho thấy, sau khi sử dụng phương pháp SĐTD trong dạy học văn miêu tả, phân môn Tập làm văn, cụ thể là bài văn Miêu tả con mèo thì HS H. đã có cải thiện rõ rệt trong việc khắc phục các lỗi về chính tả, dùng từ, lỗi dấu câu. Các lỗi này đã giảm rất nhiều so với trước TN. Đồng thời, vốn từ sử dụng trong bài Tập làm văn của HS H. tăng từ 36 từ trước TN lên 157 từ sau TN. Bài viết đã sử dụng các liên từ như: hơn nữa, và, cho nên, bên cạnh đó,...; sử dụng đúng nghệ thuật so sánh trong câu văn, giúp bài văn rõ nghĩa, nhiều thông tin, nội dung đa dạng, phong phú và chặt chẽ. Đó là những điểm tiến bộ vượt bậc so với năng lực của H. trước TN, cho thấy việc sử dụng SĐTD trong dạy học văn miêu tả cho HS KTHT mang lại kết quả khả quan và có thể nghiên cứu áp dụng với các bài học, môn học khác trong GDHN trẻ KTHT.

Với kết quả thu được sau TN, có thể khẳng định, sử dụng phương pháp SĐTD giúp cải thiện kết quả học tập phân môn Tập làm văn cho HS lớp 4 và đặc biệt là mang lại hiệu quả rõ rệt đối với trường hợp HS KTHT học hòa nhập. Như vậy, SĐTD là phương pháp thích hợp, hiệu quả, có thể linh hoạt sử dụng trong các bài học, môn học khác nhau đối với HS nói chung và HS KTHT nói riêng.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sử dụng phương pháp SĐTD trong hoạt động dạy làm văn cho HS KTHT đã bước đầu ghi nhận sự tiến bộ đối với HS KTHT. Không những thế, phương pháp SĐTD cũng giúp HS toàn lớp cải thiện rõ rệt chất lượng của bài văn. Trong quá trình hỗ trợ SĐTD trong dạy học tập làm văn, chúng tôi nhận thấy HS hứng thú hơn trong học tập, tích cực tham gia hoạt động, có động lực để nhanh chóng hoàn thiện yêu cầu của bài học. Sử dụng SĐTD trong DHHN là có tác động tích cực không chỉ đối với HS KTHT mà còn đối với HS toàn lớp, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động DHHN tại các trường tiểu học.

Tài liệu tham khảo

- Buzan (2008). *Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đỗ Thị Phương Thảo (2012). Dạy học phân môn Tập làm văn với sự hỗ trợ của bản đồ tư duy. *Tạp chí Giáo dục*, 294, 33-34; 38.
- Graham, S., Harris, R. K., Mason, L., Fink-Chorzempa, B., Moran, S., & Saddler, B. (2008). How do primary grade teachers teach handwriting? A National survey. *Reading and Writing*, 21, 49-69.
- Kirk, A. R. (2014). Republication of "Learning Disabilities: A Historical Note". *Intervention in School and Clinic*, 50(2), 125-128.
- Mai Tô Ny, Nguyễn Thị Cẩm Hương (2019). Dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật học tập: sử dụng phương pháp sơ đồ hóa cho một trường hợp nghiên cứu. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 64(9AB), 176-184.
- Nguyễn Thị Cẩm Hương (2014). *Năng lực nhận thức ở học sinh khó khăn về viết từ kết quả trắc nghiệm WISC-IV*. Kì yếu hội thảo khoa học "Nhận biết, đánh giá và can thiệp trẻ có khuyết tật học tập", Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, tr 280-287.
- Nguyễn Thị Kim Hoa, Lê Thị Tâm (2013). *Kỹ năng dạy học hòa nhập và hỗ trợ học sinh khó khăn về đọc, viết, tính toán*. Chương trình Phát triển trung học, Bộ GD-ĐT.
- Phạm Minh Mục (2012). *Cẩm nang hoàn chỉnh về khuyết tật học tập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Toàn (2021). *Hướng dẫn chẩn đoán tâm lý tâm thần theo DSM-5*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sakiz, H. (2015). *Investigating disability inclusion in Turkey: An exploratory case study*. The University of Manchester (United Kingdom).
- Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
- Trần Thị Hương Giang (2012). Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học bài ôn tập phân môn Tập làm văn lớp 5. *Tạp chí Giáo dục*, 295, 15-17.